

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-PT
Ngày 23-9-2021
V/v Tranh chấp chia tài sản
chung sau ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuệ;

Các Thẩm phán: Ông Hồ Đức Châm;

Ông Vi Đức Trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Mông Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2021/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021 về Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 08/2021/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2021/QĐPT-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021, ngày 03/8/2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2021/QĐPT-DS, ngày 27/8/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Liên S, sinh năm 1955; địa chỉ: Số 590, đường T, thôn V, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 27, đường L, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Tài H
- Luật sư Văn phòng Luật sư Nghĩa H; địa chỉ: Số 30/3B, đường L, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Hoàng Tuấn A, địa chỉ: Số 590, đường Trần Đ, thôn V, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Chị Hoàng Ngọc A, anh Hoàng Tuấn T; chị Lương Thị H; cùng địa chỉ: Số 590, đường Trần Đ, thôn V, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Đều vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Phạm Đức H, bà Nguyễn Thị L, ông Trần Mạnh H, bà Hoàng Thị T, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Thanh B; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án dân sự sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Hoàng Liên S và bà Nguyễn Thị D chung sống với nhau từ cuối năm 1993. Khi về chung sống, ông Sơn đã có 02 con riêng với vợ cũ là bà Trần Thị P (chết năm 1993) là anh Hoàng Anh T (sinh năm 1982, đã chết năm 2015) và anh Hoàng Tuấn A. Ông bà có 02 người con chung là chị Hoàng Ngọc A, sinh năm 1995, và anh Hoàng Tuấn T, sinh năm 1998. Ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn ngày 26/7/1997; đến năm 2017 ông bà ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 16/2017/QĐST-HNGĐ ngày 22/02/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn. Theo ông Hoàng Liên S hiện nay giữa ông và bà Nguyễn Thị D còn có tài sản phát sinh trong thời kỳ hôn nhân chấp gồm có:

1- Thừa đất số 299, tờ bản đồ 97, địa chỉ thôn V, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, diện tích 119,2m², đất ở tại nông thôn, trên đất có nhà 05 tầng, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 01/4/2015 mang tên ông Hoàng Liên S;

2- 01 xe ô tô Camry, sản xuất năm 1992, biển kiểm soát 12H-7298, đăng ký xe mang tên ông Hoàng Liên S; 01 xe Lexus, sản xuất năm 2008, biển kiểm soát 12A-046.32, đăng ký xe mang tên ông Hoàng Liên S.

Ông Hoàng Liên S yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu đối với toàn bộ các tài sản trên và có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị D 100.000.000 đồng hoặc theo quy định pháp luật trên cơ sở xem xét nguồn gốc tài sản, công sức đóng góp.

Về nguồn gốc thửa đất: Năm 1988 ông Hoàng Liên S và bà Trần Thị P mua được một mảnh đất, trên đất có căn nhà cấp 4 tại địa chỉ số 92, đường T, thành phố L của bà Đặng Thị T (tên gọi khác là bà T, đã chết). Sau đó ông và bà Trần Thị P xây mới thành nhà 3 tầng để kinh doanh nhà nghỉ "HP". Tháng 8/1993 bà Trần Thị P chết. Khoảng năm 1992, 1993 ông bán cho bà Hoàng Thị T khoảng 30m² đất phía sau giáp nhà ông Trần Mạnh H, do là anh em ruột nên không làm văn bản giấy tờ gì. Năm 1996 - 1997 ông có sửa chữa nhà như làm trần nhựa, làm cửa, xây thêm phòng nghỉ ở mảnh đất phía sau, lợp thêm mái phía trước. Tháng 01 năm 2000, ông Sơn bán 20m² đất cạnh nhà cho ông Nguyễn Thanh B, địa chỉ: Số 94, đường T, phường H, thành phố L, được số tiền

là 350.000.000 đồng. Năm 2001, ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 171, tờ bản đồ số 31, diện tích đất là 153,9m² tại địa chỉ số 92, đường T, phường H, thành phố L mang tên hộ ông Hoàng Liên S. Ông dùng số tiền này và tiền kinh doanh nhà nghỉ để coi nói xây thêm khu nhà nghỉ 3 tầng đằng sau, diện tích sàn khoảng 50m²/sàn. Năm 2003, ông và bà Nguyễn Thị D vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh L số tiền là 1.000.000.000 đồng, vay ngân hàng Agribank chi nhánh tỉnh Lạng Sơn 200.000.000 đồng để tiêu dùng sinh hoạt và sửa sang nhà nghỉ. Năm 2008, 2009 ông và bà Nguyễn Thị D mua với gia đình anh Hoàng Văn B thửa đất số 721, tờ bản đồ số 97, diện tích số 152,6m² tại thôn V, xã H, thành phố L với giá 300.000.000 đồng, nguồn tiền mua từ kinh doanh nhà nghỉ và dịch vụ cầm đồ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị D. Năm 2014, ông bán nhà đất diện tích 153,9m² tại thửa số 171, địa chỉ số 92, đường T cho bà Nguyễn Thị L với số tiền là 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng). Ông đã dùng số tiền bán nhà chi trả các khoản sau:

- + Trả các khoản nợ cho Ngân hàng (Ngân hàng BIDV chi nhánh L 570.000.000 đồng, ngân hàng Agribank chi nhánh tỉnh L 200.000.000 đồng) và nợ ngoài, tổng khoảng 1.500.000.000 đồng;

- + Mua 01 căn nhà 5 tầng tại địa chỉ: Số 590, thôn Vỹ T, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn trị giá khi mua là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng), đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Hoàng Liên S, số bìa BT 728499 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 01/4/2015, số vào sổ cấp CH-03038. Sau khi mua, có sửa chữa, nâng cấp nhà như làm thang máy, làm trần gỗ, sàn gỗ... chi phí hết 500.000.000 đồng.

- + Mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Lexus, giá mua 1.800.000 đồng, mua năm 2015, giấy tờ đứng tên Hoàng Liên S, hiện nay ông vẫn đang quản lý, sử dụng.

- + Chi phí nuôi các con ăn học, cho tiền các con làm ăn.

- + Cho bà Nguyễn Thị D tiền mặt 500.000.000 đồng.

- + Số tiền còn lại dùng để chi tiêu sinh hoạt gia đình hết. Đối với chiếc xe ô tô Toyota ông mua năm 1998 khoảng 200.000.000 đồng nguồn tiền mua từ việc kinh doanh.

Ngày 22/02/2017 ông và bà Nguyễn Thị D đã giải quyết ly hôn, tự thỏa thuận phân chia tài sản với nhau, không lập văn bản giấy tờ gì, theo thỏa thuận ông đồng ý cho bà Nguyễn Thị D toàn quyền sử dụng đối với thửa đất số 721, tờ bản đồ số 97, diện tích số 152,6m² tại thôn V, xã H, còn ông được toàn quyền quản lý nhà đất tại 590 thôn V, xã H, thành phố L (theo sổ hộ khẩu gia đình thì ghi là số 590 T, thôn V, xã H, thành phố L, tuy nhiên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi địa chỉ thửa đất là thôn V, xã H, thành phố L). Do vậy, ngày 20/4/2017, tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Lạng Sơn ông và bà Nguyễn Thị D đã ký Văn bản thỏa thuận thửa đất 721 là tài sản chung vợ chồng, bà Nguyễn Thị D được nhận toàn bộ tiền từ việc chuyển nhượng đối với thửa đất này.

Ông Hoàng Liên S cho rằng trong thời gian chung sống từ năm 1994 đến năm 2017, bà Nguyễn Thị D không có đóng góp gì trong khối tài sản chung vợ chồng, bà Nguyễn Thị D không kinh doanh riêng, chỉ phụ giúp trông nom nhà nghỉ và phụ việc dịch vụ cầm đồ, chi tiêu rất nhiều, nợ nần nhiều nên mới phải bán nhà để trả nợ. Đối với việc sửa sang nhà số 92 đường T đều do ông tự gọi thợ và mua nguyên vật liệu, tự trả tiền. Nhà đất tại địa chỉ số 590, thôn V, xã H, thành phố L thuộc thửa đất số 299, tờ bản đồ số 97, diện tích 119,2m², xe ô tô Lexus có nguồn gốc từ việc bán nhà đất số 92 đường T của ông có trước thời kỳ hôn nhân với bà Nguyễn Thị D.

Bà Nguyễn Thị D cũng thừa nhận trước khi bà bắt đầu chung sống với ông Hoàng Liên S, thì ông Hoàng Liên S đã có mảnh đất trên đó có căn nhà 02 tầng (01 tầng hầm, 01 tầng nổi) tại địa chỉ số 92, đường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, quá trình chung sống bà có công sức đóng góp vào việc coi nói, sửa nhà, chi phí là do bà và ông Hoàng Liên S cùng đóng góp. Cụ thể, trong quá trình chung sống từ 1995 đến 2002 bà và ông Hoàng Liên S có thực hiện sửa sang phần đằng trước từ 2 tầng thành căn nhà 5 tầng (01 tầng hầm, 03 tầng nổi, 01 tum lợp mái tôn), đằng sau thì xây lên 03 tầng, kết cấu nối liền thông với nhà đằng trước. Tổng số tiền xây dựng, sửa sang nhà cửa từ năm 1994 đến năm 2005 tại phiên tòa bà Nguyễn Thị D trình bày hết khoảng 1.500.000.000 đồng, số tiền này do vợ chồng cùng kinh doanh nhà nghỉ mà có, việc thực hiện sửa chữa, coi nói nhà do ông Hoàng Liên S gọi người sửa chữa và liên hệ mua bán nguyên vật liệu, bà không nhớ cụ thể các lần coi nói căn nhà vào thời gian nào và không nhớ chi phí từng lần coi nói, sửa sang, không lưu giữ tài liệu gì. Năm 2015, ông bà bán nhà đất tại số 92 đường T cho bà Nguyễn Thị L với giá là 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng). Sau khi bán nhà thì mua lại nhà tại số 590, đường T, thôn V, xã H, thành phố L để ông Hoàng Liên S tiếp tục kinh doanh nhà nghỉ, mua ô tô Lexus giá 1.800.000.000 đồng, ông Hoàng Liên S gửi ngân hàng số tiền khoảng 2.500.000.000 đến 3.000.000.000 đồng, toàn bộ số tiền bán nhà ông Hoàng Liên S cầm và chi tiêu hết. Bà Nguyễn Thị D xác định hiện nay giữa bà và ông Hoàng Liên S còn có tài sản chung chưa chia là nhà đất tại địa chỉ số 590, đường T, thôn V, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, mua năm 2015, 01 xe ô tô camry biển kiểm soát 12H-7298 mua lại năm 1998-2000 và 01 xe ô tô Lexus, biển kiểm soát 12A-04632 mua lại năm 2015. Đối với thửa đất số 721, tờ bản đồ số 97, diện tích số 152,6m² tại thôn V, xã H là của chị gái bà tên Nguyễn Thị N cho anh B vay tiền và thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất này. Do bà Nguyễn Thị N không có giấy phép kinh doanh cầm đồ nên bà đã đứng tên thay. Năm 2017, bà Nguyễn Thị N bán thửa đất nên ngày 20/4/2017 bà và ông Hoàng Liên S đến Phòng công chứng số 1 tỉnh Lạng Sơn để ký văn bản chuyển nhượng và văn bản thỏa thuận; thực tế là bà Nguyễn Thị Nương bán đất và cầm số tiền bán đất. Mặt khác, thửa đất số 721, giữa bà và ông Hoàng Liên S đã thỏa thuận bằng văn bản được công chứng về việc ông Hoàng Liên S tự cho bà Nguyễn Thị D được hưởng số tiền bán đất 400.000.000 đồng mà không có điều kiện gì.

Bà đề nghị Tòa án xem xét công sức đóng góp của bà trong quá trình

chung sống với ông Hoàng Liên S. Quá trình giải quyết bà Nguyễn Thị D yêu cầu ông Hoàng Liên S phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Dung số tiền là 3.000.000.000 đồng, ông Hoàng Liên S được toàn quyền sở hữu các tài sản trên.

Tại cấp sơ thẩm, bà Nguyễn Thị D và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà D đều có ý kiến: Đối với giá trị nhà đất và hai chiếc ô tô theo giá hội đồng định giá đưa ra ngày 21/01/2021 là thấp, bà có yêu cầu định giá lại nhà đất tranh chấp nhưng không được chấp nhận, do đó, bà đề nghị Tòa án căn cứ vào Chứng thư Thẩm định do bà cung cấp để giải quyết vụ án, tuy công sức đóng ông Hoàng Liên S nhiều hơn nhưng bà Nguyễn Thị D điều kiện hoàn cảnh khó khăn hơn, đề nghị chia đôi các tài sản tranh chấp, cụ thể đề nghị Tòa án giải quyết: Đối với nhà đất số 590 ông Hoàng Liên S được quyền quản lý, sử dụng và phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền tương ứng 1/2 giá trị nhà đất 5.846.969.000 đồng là 2.923.484.500 đồng; đối với 02 xe ô tô bà Nguyễn Thị D yêu cầu được quản lý, sử dụng và có trách nhiệm bù trừ chênh lệch cho ông Hoàng Liên S 1/2 giá trị 430.000.000 đồng tương ứng là 215.000.000 đồng. Trường hợp Tòa án căn cứ biên bản định giá ngày 21/01/2021 thì bà Nguyễn Thị D đề nghị được quản lý sử dụng toàn bộ nhà đất, 02 xe ô tô và bù chênh lệch cho ông Hoàng Liên S 2.000.000.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng Tuấn A, chị Hoàng Ngọc A, anh Hoàng Tuấn T; chị Lương Thị H trình bày: Đối với tài sản đang tranh chấp giữa ông Hoàng Liên S và bà Nguyễn Thị D chị Hoàng Ngọc A, anh Hoàng Tuấn T không có công sức đóng góp, không liên quan gì, từ chối tham gia tố tụng và đề nghị giải quyết vắng mặt.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 21/01/2021 xác định thửa 299, tờ bản đồ 97, diện tích 119,2m², địa chỉ thôn V, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, trên đất có nhà 05 tầng, diện tích xây dựng 110m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 728499 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 01/4/2015 mang tên ông Hoàng Liên S, giá trị đất tranh chấp theo giá thị trường là 15.000.000 đồng/m², giá trị nhà 1.274.486.000 đồng, giá trị xe ô tô Toyota camry 50.000.000 đồng, giá trị xe ô tô Lexus RX350 380.000.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản tranh chấp 3.062.486.000 đồng + 50.000.000 đồng + 380.000.000 đồng = 3.492.486.000 đồng (ba tỷ bốn trăm chín mươi hai triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Với nội dung vụ án như trên, Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 08/2021/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Liên S, xác định nhà đất thuộc thửa 299, tờ bản đồ 97, diện tích 119,2m² địa chỉ thôn V, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, trên đất có nhà 05 tầng, diện tích xây dựng 110m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 728499 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 01/4/2015 mang tên ông Hoàng Liên S; 01 xe ô tô Lexus RX350, biển kiểm soát 12A-04632; 01 xe ô tô Toyota camry biển kiểm soát

12H-7298, đăng ký xe đều mang tên ông Hoàng Liên S là tài sản chung của ông Hoàng Liên S và bà Nguyễn Thị D.

Ông Hoàng Liên S được quyền quản lý, sử dụng diện tích 119,2m² đất ở nêu trên và sở hữu tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà 05 tầng là hình được (ký hiệu A3, A4, T4, A5, A6) có chiều dài các cạnh tiếp giáp như sau: Phía bắc giáp nhà ông Nông Văn D có cạnh dài 0,4m+22,1m; phía nam giáp đất của ông Trần Anh T có cạnh dài 0,1m+22,1m; phía tây giáp đường T có cạnh dài 5,1m; phía đông giáp ngõ 2 thôn H có cạnh dài 5,6m và sở hữu 01 xe ô tô Lexus RX350, biển kiểm soát 12A-04632, 01 xe ô tô Toyota camry biển kiểm soát 12H-7298, đăng ký xe đều mang tên ông Hoàng Liên S sau khi ông Hoàng Liên S đã thanh toán xong cho bà Nguyễn Thị D số tiền chênh lệch tài sản là 698.497.000 đồng (sáu trăm chín mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về buộc phải trả lãi phát sinh do chậm trả tiền; chi phí thẩm định, định giá, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/5/2021, bà Nguyễn Thị D có đơn kháng cáo đối với Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 08/2021/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn với nội dung yêu cầu định giá lại tài sản, sửa Bản án sơ thẩm trên theo hướng chia đôi giá trị tài sản, đề nghị được nhận lại tài sản và trả chênh lệch giá trị tài sản cho ông Hoàng Liên S.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị D thay đổi một phần kháng cáo rút yêu cầu quản lý, sử dụng nhà đất tại số nhà 590, thôn V, xã H, thành phố L và tài sản là 01 xe ô tô Lexus RX350, biển kiểm soát 12A-04632, 01 xe ô tô Toyota camry biển kiểm soát 12H-7298 mà yêu cầu chia đôi giá trị nhà đất và tài sản là 02 chiếc xe ô tô, chỉ nhận giá trị bằng tiền. Ông Hoàng Liên S không đồng ý với nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị D và đề nghị giữ nguyên phần quyết định của Bản án sơ thẩm.

Ý kiến trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị D kháng cáo bản án sơ thẩm số 08/2021/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn vì Tòa án thành phố Lạng Sơn định giá quá thấp, bà D kháng cáo yêu cầu định giá lại tài sản, đã được Tòa án tỉnh Lạng Sơn định giá lại tài sản ngày 20/9/2021 kết quả giá đất có tăng lên.

Bà D chung sống với ông Sơn từ năm 1993 tại số nhà ngôi nhà số 92, đường T, phường H, thành phố L, đến ngày 10/8/2000 ông S đã tự nguyện kê khai ngôi nhà số 92 nêu trên là tài sản chung vợ chồng, ngày 32/12/2002 được cấp GCNQSDĐ mang tên hộ gia đình ông Hoàng Liên S, đăng ký biến động chuyển quyền sử dụng đất, như vậy ông S tự nguyện nhập tài sản riêng thành tài sản chung vợ chồng. Năm 2015 ông S, bà Dung bán nhà cho bà Nguyễn Thị L.

Về nguồn gốc ngôi nhà số 590 thôn V, xã H do bán ngôi nhà số 92, đường T, phường H, thành phố L mua được; do đó đây là tài sản chung chưa chia, thì yêu cầu chia theo quy định của pháp luật, theo khoản 2 Điều 59 Luật

hôn nhân gia đình tài sản chung vợ chồng theo nguyên tắc chia đôi, có xem xét sự đóng góp của các bên. Về công sức đóng góp ông S đóng góp nhiều hơn nhưng do bà D hoàn cảnh khó khăn đi ở nhờ nên đề nghị được chia 1/2 tài sản chung. Tòa án thành phố Lạng Sơn chia cho bà Dung 2/10 là quá thấp.

Đối số tiền 400.000.000đồng do bán thửa đất số 721 là tài sản trong thời kỳ hôn nhân, nhưng do ông S tự nguyện cho bà D sử dụng số tiền này, việc thỏa thuận cho bà D nhận tiền, ông Sơn từ bỏ quyền của mình do đó không thể tính số tiền trên vào vụ án này. Tòa án thành phố xét xử không khách quan, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà D.

Căn cứ Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình, Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; tôi đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chia tài sản thành 2 phần bằng nhau, giá trị tài sản theo kết quả định giá ngày 20/9/2021.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, chấp sự chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 71, 73 và Điều 324 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 75, 76 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết đối với nội dung kháng cáo

+ Nhận xét về việc kháng cáo: Bà Nguyễn Thị D kháng cáo trong hạn luật định, việc kháng cáo hợp lệ được Tòa án chấp nhận. Tại phiên tòa bà D rút một phần nội dung kháng cáo đối với yêu cầu quản lý tài sản và thanh toán giá trị cho ông Sơn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc rút một phần kháng cáo theo quy định của BLTTDS.

+ Xét về nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị D:

- Đối với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm định giá lại tài sản nhà đất, do Tòa án cấp sơ thẩm định giá đất giá 15.000.000đồng/m² và 02 chiếc xe ô tô chưa phù hợp với giá thị trường. Tại phiên tòa ngày 27/8/2021 Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa để thực hiện việc định giá lại theo yêu cầu của bà D. Tại Biên bản định giá ngày 20/9/2021 xác định đất tranh chấp có giá 25.600.000đồng/m², như vậy kết quả định giá lại giá trị đất có thay đổi.

- Đối với nội dung kháng cáo đề nghị chia đôi khối tài sản chung vợ chồng là nhà đất tại địa chỉ số 92, đường T, phường H, thành phố L, thửa đất số 171, diện tích 153,9m², trên đất có nhà 05 tầng (01 tầng hầm, 03 tầng nổi và 01

tum), bản án sơ thẩm xử cho bà được 2/10 giá trị tài sản chung của chồng là quá thấp.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định đất và tài sản trên đất được hình thành như sau: Năm 1988 ông S và bà P (vợ cũ ông S đã chết năm 1993) mua đất với bà Đặng Thị T (đã chết), sau đó ông S xây nhà 02 tầng 01 tầng hầm, 01 tầng nổi để kinh doanh nhà nghỉ, phần tài sản này thực tế hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa ông S, bà P nhưng chưa kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở. Năm 1993 bà P chết, năm 1994 bà D đến ở với ông S như vợ chồng, năm 1995 sinh chị Hoàng Ngọc A, năm 1997 đăng ký kết hôn. Đến ngày 12/8/2000 ông Sơn kê khai cấp GCNQSDĐ, tại đơn đăng ký quyền sử dụng đất phần chủ đất có ghi tên ông Hoàng Liên S và vợ là bà Nguyễn Thị D, ngày 31/12/2001 UBND thị xã L cấp GCNQSDĐ cho hộ ông S, khi đó bà D đang là vợ hợp pháp của ông S. Trong quá trình chung sống cùng ông S, vợ chồng bà đầu tư xây dựng thêm 2 tầng, nên tài sản nhà đất số 92, đường T là tài sản chung vợ chồng ông S, bà D.

Xét về công sức đóng góp, trong quá trình bà D chung sống với ông S, bà D hỗ trợ ông Sơn kinh doanh nhà nghỉ, phù hợp với lời khai của anh Tuấn A (con riêng của ông S) là sau khi sinh chị A, bà D cũng tham gia hỗ trợ việc kinh doanh nhà nghỉ và ông S cũng thừa nhận năm 2006-2007 bà D giúp quản lý sổ sách, do đó xác định bà D cũng có phần công sức đóng góp vào việc tạo lập khối tài sản chung vợ chồng.

Năm 2015, ông Sơn, bà D cùng các con chuyển nhượng nhà đất số 92, Trần Đăng Ninh cho bà Nguyễn Thị L với giá 10 tỷ đồng, ông S đã dùng số tiền bán nhà để mua nhà đất thửa 299 tờ bản đồ 97, diện tích 119,2m² tại số 590, thôn V, xã H, thành phố L đã được cấp CNQSDĐ ngày 01/4/2015 mang tên ông S, sửa nhà, mua ô tô. Như vậy, xác định tài sản nhà đất tại số 590, thôn V và 02 xe ô tô là tài sản chung vợ chồng, tuy nhiên nguồn gốc hình thành tài là từ nguồn tiền bán nhà đất số 92 đường T mà có và tài sản nhà đất này phần lớn có nguồn gốc từ tài sản hình thành trước thời kỳ hôn nhân giữa ông S và bà D, nhưng bà D có công tôn tạo nâng cấp nhà nghỉ làm tăng giá trị tài sản trên đất.

Đối với thửa đất 721 được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, nhưng ông S không yêu cầu chia và tự nguyện cho bà D, nên không liên quan đến vụ án này, do đó bản án sơ thẩm xác định bà D được hưởng một phần giá trị tương ứng với công sức đóng góp là 2/10 trong khối tài sản hiện có là chưa phù hợp, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bà D, đề nghị cho bà D được hưởng 3/10 giá trị tài sản tranh chấp; đồng thời, do kết quả định giá đất có sự thay đổi, đây là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử áp khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 BLTTDS xử chấp nhận một phần kháng cáo, sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 08/2021/HNGĐ-ST ngày 04/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Về chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm, phúc thẩm đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Hoàng Ngọc A, anh Hoàng Tuấn T và chị Lương Thị H, Xét thấy, việc vắng mặt của các đương sự có tên trên không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị D yêu cầu định giá lại tài sản, Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc bà Nguyễn Thị D yêu cầu định giá lại tài sản tranh chấp là yêu cầu chính đáng được Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn chấp nhận. Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã thành lập Hội đồng định giá và đã định giá tài sản lại vào ngày 20/9/2021. Kết quả có thay đổi giá đất theo giá thị trường là 25.600.000đồng/m². Tổng giá trị quyền sử dụng đất là 3.051.520.000đồng (Ba tỷ, không trăm năm mươi một triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng), giá trị nhà vẫn không thay đổi: 1.274.000.000đồng. Tại buổi định giá tài sản hai bên đương sự đã thống nhất thỏa thuận giá trị xe ô tô nhãn hiệu Lexus RX350, biển kiểm soát 12A-04632 giá trị là 265.000.000đồng; xe ô tô Toyota Camry biển kiểm soát 12H-7298 giá trị là 15.000.000đồng. Tổng giá trị nhà, đất và 02 xe ô tô là 4.605.520.000đồng (Bốn tỷ sáu trăm linh năm triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng). Tài sản phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Hoàng Liên S và bà Nguyễn Thị D hiện nay đang tranh chấp gồm: Nhà đất tại địa chỉ số 590, thôn V, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 728499 ngày 01/4/2015 mang tên ông Hoàng Liên S, 01 xe ô tô Lexus RX350, biển kiểm soát 12A-04632 sản xuất năm 2007, mua lại năm 2015, 01 xe ô tô Toyota camry biển kiểm soát 12H-7298, sản xuất năm 1992 mua lại năm 1998, đăng ký xe đều mang tên ông Hoàng Liên S.

[3] Đối với kháng cáo yêu cầu được chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản, Hội đồng xét xử thấy: Trước khi kết hôn với bà Nguyễn Thị D ông Hoàng Liên S đã có một nhà 03 tầng (trong đó có 01 tầng hầm trên diện tích đất 153,9 m² tại số 92 đường T, thành phố L với bà Trần Thị P (vợ cũ, đã chết năm 1993) nhưng chưa kê khai thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Nguyễn Thị D chung sống với ông Hoàng Liên S từ năm 1994, đến năm 1997 đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ông Hoàng Liên S và bà Nguyễn Thị D có thực hiện sửa sang, coi nới, xây dựng thêm để kinh doanh nhà nghỉ, chồng thêm tầng khu nhà đằng trước từ 03 tầng lên 05 tầng, xây thêm khu nhà phía sau nối liền với khu nhà phía trước, chi phí xây dựng do nguồn thu từ việc kinh doanh mà có. Tài sản trên được xác định là tài sản chung của ông Hoàng Liên Sơn và bà Nguyễn Thị D. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị D cũng thừa nhận đây là tài sản có trước thời kỳ hôn nhân. Số tiền bán nhà đất số 92 đường T được vợ chồng ông Hoàng Liên S, bà Nguyễn Thị D sử dụng để mua nhà đất tại thửa 299 tờ bản đồ 97, số 590 thôn

V, xã H, thành phố L, sửa nhà, mua ô tô, trả nợ, chi phí sinh hoạt, học tập cho các con và tiêu dùng cá nhân. Ngoài ra, bà Nguyễn Thị D và ông Hoàng Liên S còn có tài sản chung là thửa đất 721, tờ bản đồ 97, diện tích 152,6m² đất ở nông thôn tại thôn V, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, bà Nguyễn Thị D được nhận toàn bộ số tiền có được từ việc chuyển nhượng đất nêu trên như cấp sơ thẩm đã nhận định. Do đó thấy rằng nguồn gốc tài sản đang tranh chấp từ nguồn tiền bán nhà đất tại số 92 đường T mà có và tài sản nhà đất này có nguồn gốc từ tài sản hình thành trước thời kỳ hôn nhân giữa ông Hoàng Liên S và bà Nguyễn Thị D, trong thời kỳ hôn nhân bà Nguyễn Thị D cũng có công sức đóng góp, tôn tạo, làm tăng giá trị tài sản, do đó cấp sơ thẩm quyết định bà Nguyễn Thị D được hưởng một phần giá trị tài sản đang tranh chấp tương ứng với công sức đóng góp tương ứng 2/10 giá trị tài sản đang tranh chấp là có căn cứ.

[4] Do kết quả định giá lại giá trị tài sản có tăng lên. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị D, giữ nguyên quyết định bà Nguyễn Thị D được hưởng một phần giá trị tài sản đang tranh chấp tương ứng với công sức đóng góp tương ứng 2/10 giá trị tài sản đang tranh chấp, cụ thể bà Nguyễn Thị D được hưởng tổng giá trị tài sản bằng 2/10 của tổng giá trị tài sản là 4.605.520.000đồng. Bà Nguyễn Thị D được hưởng số tiền 921.104.000đồng (Chín trăm hai mươi một triệu một trăm linh tư nghìn đồng)

[5] Về án phí sơ thẩm do giá trị đất tăng theo định giá ngày 20/9/2021, do đó số tiền được chia tài sản chung tăng lên, vì vậy số tiền án phí phải chịu của Nguyễn Thị D cũng thay đổi, cụ thể: 921.104.000đồng: 36.000.000 đồng + (3% x 121.104.000 đồng) = 39.633.000 đồng.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử, sửa Bản án sơ thẩm số 08/2021/HNGĐ-ST ngày 04/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, việc sửa án cấp sơ thẩm không có lỗi.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận, tuy nhiên Kiểm sát viên cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chia cho bà D 2/10 giá trị tài sản là chưa phù hợp đề nghị Hội đồng xét xử chia cho bà D 3/10 giá trị tài sản, đề nghị này không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về chi phí định giá lại: Bà Nguyễn Thị D kháng cáo Bản án sơ thẩm được chấp nhận phần định giá tài sản lại. Kết quả định giá lại có tăng lên so với kết quả định giá của Tòa án cấp sơ thẩm; do đó nguyên đơn ông Hoàng Liên S phải chịu chi phí định giá lại số tiền 3.800.000đồng. Số tiền này bà Nguyễn Thị D đã nộp, ông Hoàng Liên Sơn có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị D số tiền trên.

[9] Về án phí: căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị D không phải chịu án

phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho Bà D số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309; khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị D; sửa Bản án sơ thẩm số 08/2021/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

2. Ông Hoàng Liên S được quyền quản lý sử dụng nhà đất thuộc thửa 299, tờ bản đồ 97, diện tích 119,2m² tại địa chỉ: Số 590, thôn V, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, trên đất có ngôi nhà 05 tầng, diện tích xây dựng mỗi sàn 110m² đã được Ủy ban nhân dân thành phố L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 728499, ngày 01/4/2015 mang tên ông Hoàng Liên S và sở hữu xe ô tô Lexus RX350, biển kiểm soát 12A-04632 và xe ô tô Toyota Camry biển kiểm soát 12H-7298. Ông Hoàng Liên S có trách nhiệm thanh toán số tiền chia tài sản chung cho bà Nguyễn Thị D là 921.104.000đồng (Chín trăm hai mươi một triệu một trăm linh tư nghìn đồng).

3. Về Chi phí tố tụng: Ông Hoàng Liên S phải chịu 3.800.000đồng tiền chi phí định giá tài sản lại. Số tiền này bà Nguyễn Thị D đã nộp, ông Hoàng Liên S có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị D số tiền trên.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi tương ứng với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí sơ thẩm là 39.633.000 đồng (Ba mươi chín triệu sáu trăm ba mươi ba ngàn đồng)

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho Nguyễn Thị D số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002789 ngày 25-8-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

6. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND TP Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- VKSND TP Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- CCTHADS hTP Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HS, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tuệ